

Số: /BC-UBND

Vũng Áng, ngày

tháng 11 năm 2025

BÁO CÁO

Sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Văn bản số 4063/SYT-BTXH-PCTNXH ngày 25/10/2025 của Sở Y tế về việc báo cáo đánh giá sơ kết 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 và đề xuất kế hoạch thực hiện Chương trình giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân phường Vũng Áng báo cáo các nội dung cụ thể như sau:

I. Đặc điểm tình hình chung

Phường Vũng Áng được thành lập trên cơ sở sáp nhập hai phường Kỳ Thịnh và phường Kỳ Long, chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025; trước khi sáp nhập, công tác trợ giúp người khuyết tật được triển khai riêng tại 02 phường cũ; từ ngày 01 tháng 7 đến nay, Ủy ban nhân dân phường Vũng Áng tiếp tục kế thừa, rà soát, cập nhật và thống nhất quản lý số liệu, hồ sơ của người khuyết tật trên toàn địa bàn mới.

Tổng số người khuyết tật hiện đang được quản lý: 331 người (trong đó 72 người khuyết tật đặc biệt nặng, 257 người khuyết tật nặng), phân bố tại 16 tổ dân phố.

Lao động trên toàn phường chủ yếu làm công nhân tại các khu công nghiệp; đời sống người dân ngày càng được nâng cao, bình quân đầu người 60 triệu đồng/năm. Mặc dù vậy nhưng đời sống của bộ phận người khuyết còn gặp nhiều khó khăn, đang rất cần được sự quan tâm hỗ trợ từ tất cả các nguồn lực xã hội.

II. Kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025

1. Công tác chỉ đạo, điều hành, xây dựng văn bản

Ủy ban nhân dân phường Vũng Áng đã triển khai nghiêm túc các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Bộ Y tế, Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Y tế về công tác trợ giúp người khuyết tật.

Hàng năm, phường ban hành kế hoạch thực hiện chương trình, phân công rõ trách nhiệm cho các đoàn thể: Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, Hội Nông dân và Trạm Y tế phường.

Công tác rà soát, xác định mức độ khuyết tật, lập danh sách và chi trả trợ cấp được thực hiện đúng quy trình, đảm bảo công khai, minh bạch.

Việc quản lý người khuyết tật được cập nhật thường xuyên, gắn với hồ sơ sức khỏe điện tử tại Trạm Y tế phường.

2. Đánh giá việc thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu (giai đoạn 2021-2025)

2.1. Tổng số người khuyết tật trên địa bàn: 331 người

Khuyết tật nhẹ: 02 người

Khuyết tật nặng: 257 người

Khuyết tật đặc biệt nặng: 72 người

2.2. Phân loại theo dạng tật

Khuyết tật vận động: 110 người

Khuyết tật nghe, nói: 11 người

Khuyết tật nhìn: 26 người

Khuyết tật thần kinh, tâm thần: 70 người

Khuyết tật trí tuệ: 87 người

Dạng tật khác: 27 người

2.3. Chính sách, chế độ được hưởng

Số người đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng: 329 người

Số người được cấp thẻ BHYT: 329 người (đạt 100%)

Số người được tặng xe lăn, phương tiện trợ giúp: 13 người

2.4. Các dự án, chương trình đang triển khai

Người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các mô hình như:

(1) Mô hình đa dạng hóa sinh kế;

(2) Mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

3. Đánh giá kết quả thực hiện các hoạt động chính

- Phối hợp vận động xã hội hóa, tặng xe lăn cho người khuyết tật đặc biệt nặng.

- 100% người khuyết tật có thẻ BHYT, được khám sức khỏe định kỳ và theo dõi hồ sơ sức khỏe điện tử.

- Tăng cường công tác truyền thông, tuyên truyền quyền của người khuyết tật, lồng ghép trong Ngày Người khuyết tật Việt Nam (18/4).

4. Tồn tại, hạn chế

- Đơn vị hành chính phường Vũng Áng mới thành lập từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, nên việc tổng hợp hồ sơ, dữ liệu người khuyết tật từ các phường cũ còn mất nhiều thời gian.

- Một số thông tin trên phần mềm kế thừa như năm sinh còn sai sót, nên cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện trong thời gian tới.

- Một số hồ sơ người khuyết tật từ giai đoạn trước chưa được bổ sung đầy đủ thông tin ảnh hưởng đến công tác thống kê và quản lý.

- Nguồn lực tài chính cho công tác người khuyết tật còn hạn chế, chủ yếu dựa vào ngân sách trợ cấp xã hội thường xuyên từ cấp trên; các nguồn hỗ trợ khác mang tính nhỏ lẻ, chưa có kinh phí riêng phục vụ công tác tuyên truyền, tập huấn, phục hồi chức năng tại cộng đồng.

- Đa số người khuyết tật sức khỏe yếu, trí tuệ kém nên rất khó khăn trong việc tiếp cận các chương trình đào tạo nghề, giải quyết việc làm.

III. Phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030

1. Mục tiêu tổng quát

Tiếp tục triển khai có hiệu quả Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2026-2030 theo chỉ đạo của tỉnh và hướng dẫn của Sở Y tế, đảm bảo người khuyết tật được tiếp cận đầy đủ chính sách trợ giúp, được hỗ trợ sinh kế, nâng cao chất lượng cuộc sống và khả năng hòa nhập cộng đồng của người khuyết tật trên địa bàn phường Vũng Áng hướng tới tăng cường tự lực, giảm phụ thuộc lâu dài vào trợ giúp hành chính.

Phường Vũng Áng xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm, gắn với các mục tiêu phát triển bền vững và đảm bảo an sinh xã hội trên địa bàn.

2. Chỉ tiêu cụ thể

- 100% người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau; 100% trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm dị tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật; trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp.

- 80% trẻ em khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục. 100% người khuyết tật có nhu cầu và đủ điều kiện được hỗ trợ đào tạo nghề, tạo việc làm.

- 100% người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu.

-100% cán bộ làm công tác trợ giúp người khuyết tật, cán bộ quản lý, giáo viên tham gia giáo dục người khuyết tật được tập huấn, nâng cao năng lực quản lý, chăm sóc, hỗ trợ người khuyết tật;

- 100% phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau.

3. Giải pháp chủ yếu

- Xây dựng kế hoạch hằng năm, giai đoạn 2026-2030 về trợ giúp người khuyết tật phù hợp với điều kiện thực tế địa phương. Phân công rõ trách nhiệm cho từng phòng, ngành, đoàn thể trong triển khai các hoạt động hỗ trợ.

- Cập nhật, quản lý dữ liệu số hóa về người khuyết tật trên địa bàn đầy đủ dữ liệu đảm bảo chính xác 100%. Thường xuyên rà soát, bổ sung biến động đối tượng để đảm bảo tính chính xác, công khai minh bạch. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc chi trả trợ cấp xã hội, hỗ trợ phục hồi chức năng, vay vốn, dạy nghề... đảm bảo đúng đối tượng, đúng quy định.

- Đẩy mạnh truyền thông về chính sách, quyền và nghĩa vụ của người khuyết tật thông qua hệ thống truyền thanh cơ sở, các buổi sinh hoạt của tổ dân phố. Tuyên truyền chống kỳ thị, phân biệt đối xử, tạo môi trường hòa nhập cho người khuyết tật tham gia đời sống xã hội. Phối hợp với trường học, đoàn thể, doanh nghiệp trong việc tuyên truyền về hòa nhập, tạo việc làm, hỗ trợ người khuyết tật tham gia sinh hoạt cộng đồng.

- Tạo điều kiện cho người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế, đặc biệt là phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe tại cộng đồng.

- Đảm bảo mọi trẻ khuyết tật trong độ tuổi được học tập, có kế hoạch hỗ trợ giáo viên, cơ sở vật chất và dụng cụ học tập phù hợp. Hỗ trợ người khuyết tật học nghề, tạo việc làm, vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình, giảm phụ thuộc vào trợ cấp.

- Phối hợp với các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, nhà hảo tâm trong và ngoài địa phương để huy động nguồn lực xã hội hóa cho hoạt động trợ giúp.

- Sử dụng hiệu quả ngân sách nhà nước, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia (giảm nghèo, xây dựng đô thị văn minh, bình đẳng giới...).

- Phát huy vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, Hội Cựu chiến binh, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên trong việc vận động, thăm hỏi, giúp đỡ người khuyết tật.

4. Đề xuất, kiến nghị Sở Y tế và Ủy ban nhân dân tỉnh

- Tiếp tục hỗ trợ tập huấn, đào tạo chuyên sâu cho cán bộ cấp phường về công tác quản lý, theo dõi và trợ giúp người khuyết tật, đặc biệt là công chức Văn hóa - Xã hội và cán bộ Y tế.

- Hỗ trợ nguồn kinh phí cho hoạt động truyền thông, tuyên truyền tại địa phương.

-Tăng cường hướng dẫn cơ sở về phòng ngừa khuyết tật, phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng và bình đẳng, không phân biệt đối xử với người khuyết tật.

III. KẾT LUẬN

- Công tác trợ giúp người khuyết tật trên địa bàn phường Vũng Áng giai đoạn 2021-2025 đạt nhiều kết quả tích cực, góp phần đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống và thúc đẩy bình đẳng, hòa nhập.

- Trong giai đoạn 2026-2030, xã tiếp tục phát huy tinh thần “không để ai bị bỏ lại phía sau”, huy động sự tham gia của toàn xã hội để nâng cao hiệu quả chương trình trợ giúp người khuyết tật.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện 05 năm thực hiện Chương trình trợ giúp người khuyết tật giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn phường Vũng Áng.

Nơi nhận:

- Sở Y Tế;
 - Chủ tịch, các PCT UBND phường;
 - Thường trực UBMTTQ phường;
 - Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể phường;
 - Các trạm Y tế trên địa bàn phường;
 - Lưu: VT, VHXX.
- Gửi văn bản điện tử.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Giáp

Phụ lục 2

BIỂU TỔNG HỢP SỐ LIỆU
SƠ KẾT 05 NĂM (2021-2025) THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TRỢ GIÚP
NGƯỜI KHUYẾT TẬT GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Công văn số: /BC-UBND ngày tháng 11 năm 2025 của
UBND phường Vũng Áng)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I	THỰC TRẠNG			
1	Người khuyết tật			
1.1	Tổng số người khuyết tật (NKT) dự kiến	người	420	
	<i>Trong đó:</i>			
1.2	Số đã được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật	người	331	
a)	<i>Trong đó chia theo mức độ khuyết tật</i>		235	
	Khuyết tật nhẹ	người	02	
	Khuyết tật nặng	người	257	
	Khuyết tật đặc biệt nặng	người	72	
b)	<i>Trong đó chia theo dạng tật</i>		215	
	Khuyết tật vận động	người	110	
	Khuyết tật nghe và nói	người	11	
	Khuyết tật nhìn	người	26	
	Khuyết tật thần kinh, tâm thần	người	70	
	Khuyết tật trí tuệ	người	87	
	Khuyết tật khác	người	27	
1.3	Số chưa được cấp Giấy xác định mức độ khuyết tật nhưng đang hưởng các chế độ hỗ trợ khác (thương binh, bệnh binh, nạn nhân chất độc da cam...)	người	0	
1.4	Số NKT được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Luật Người khuyết tật	người	329	
	<i>Trong đó</i>			
a)	Số đang được chăm sóc tại cơ sở bảo trợ xã hội	người	0	
b)	Số người được trợ cấp xã hội hàng tháng	người	329	
c)	Số người được cấp thẻ Bảo hiểm y tế	người	329	
2	Đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp NKT			
2.1	Số công chức (cấp tỉnh, xã)	người	01	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2.2	Số viên chức, người lao động trực tiếp tại cơ sở cung cấp dịch vụ hoặc cộng tác viên ở cộng đồng	người	0	
3	Tổ chức đại diện của NKT, chương trình, dự án hỗ trợ			
3.1	Số lượng tổ chức đại diện, tổ chức của người khuyết tật hiện có trên địa bàn (trung tâm, câu lạc bộ, hội...)	tổ chức	0	
3.2	Số lượng chương trình, dự án hỗ trợ người khuyết tật đang thực hiện trên địa bàn (bao gồm các CT, DA của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước).	CT, dự án	0	
II	KẾT QUẢ THỰC HIỆN 2021-2025			
1	Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và chỉ đạo, điều hành			
1.1	Số lượng văn bản QPPL ban hành theo thẩm quyền	văn bản	0	
1.2	Số lượng văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện nhiệm vụ về trợ giúp NKT trong phạm vi quản lý (công văn chỉ đạo, chương trình, kế hoạch....)	văn bản	10	
2	Tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật			
2.1	Số buổi truyền thông	buổi	5	
2.2	Số người tham gia các buổi truyền thông	lượt người	250	
2.3	Số lượng tài liệu tuyên truyền (panô, áp phích, sổ tay, tờ rơi...) được in ấn, phát hành	tài liệu		
3	Bố trí kinh phí cho Chương trình			
3.1	Tổng số kinh phí chi cho công tác trợ giúp NKT	triệu đồng		
	<i>Trong đó:</i>			
a)	Từ ngân sách TW	triệu đồng	0	
b)	Từ ngân sách địa phương	triệu đồng	0	
c)	Từ nguồn khác (tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước)	triệu đồng	0	
4	Tập huấn nâng cao năng lực Đội ngũ cán bộ			
4.1	Số lớp tập huấn	người	2	
4.2	Số cán bộ được tham gia các khóa tập huấn	người		
5	Kết quả thực hiện các hoạt động theo mục tiêu của Chương trình			

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
5.1	Trợ giúp y tế			
a)	Tỷ trọng người khuyết tật tiếp cận các dịch vụ y tế dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%	100	
b)	Tỷ trọng trẻ em từ sơ sinh đến 6 tuổi được sàng lọc phát hiện sớm khuyết tật bẩm sinh, rối loạn phát triển và được can thiệp sớm các dạng khuyết tật (trong tổng số trẻ khuyết tật)	%	100	
c)	Số trẻ em và người khuyết tật được phẫu thuật chỉnh hình, phục hồi chức năng và cung cấp dụng cụ trợ giúp phù hợp	người	05	
5.2	Trợ giúp giáo dục, dạy nghề, việc làm			
a)	Số cơ sở giáo dục chuyên biệt/trung tâm hỗ trợ giáo dục	cơ sở	0	
b)	Số trẻ khuyết tật đang học hoà nhập	trẻ em	30	
c)	Số trẻ khuyết tật đang học tại các cơ sở chuyên biệt	trẻ em	0	
d)	Tỷ trọng trẻ khuyết tật ở độ tuổi mầm non và phổ thông được tiếp cận giáo dục (trong tổng số trẻ khuyết tật).	%	0,8	
e)	Số cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo nghề nghiệp cho người khuyết tật được hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất thiết bị phù hợp	cơ sở	0	
f)	Số người khuyết tật được đào tạo nghề	người	05	
g)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh của người khuyết tật	cơ sở	03	
h)	Số người được giới thiệu việc làm	người	10	
i)	Số người được vay vốn từ Quỹ quốc gia giải quyết việc làm	người	10	
k)	Số cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng lao động là người khuyết tật được vay vốn từ Quỹ quốc gia về giải quyết việc làm	cơ sở	0	
l)	Số người được hỗ trợ sinh kế	người	10	
5.3	Trợ giúp tiếp cận công trình xây dựng và giao thông		0	
a)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng (<i>trụ sở làm việc của cơ quan nhà nước; nhà ga, bến xe, bến tàu; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở giáo</i>	%	0	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
	<i>dục, dạy nghề, công trình văn hóa, thể dục thể thao; nhà chung cư</i>) xây mới bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình xây mới)			
b)	Tỷ trọng công trình xây dựng công cộng cũ đảm bảo điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật (trong tổng số công trình hiện có)	%	0	
c)	Tỷ trọng người khuyết tật có nhu cầu tham gia giao thông được sử dụng phương tiện giao thông đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về giao thông tiếp cận hoặc dịch vụ trợ giúp tương đương (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%	05	
d)	Tỷ trọng người khuyết tật tham gia giao thông được miễn, giảm giá vé theo quy định (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu).	%	50	
e)	Số lượt người được miễn giảm giá vé khi tham gia giao thông	lượt người	0	
	- Đường bộ	lượt người	50	
	- Hàng không	lượt người	0	
	- Đường sắt	lượt người	0	
5.4	Phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai		0	
a)	Ban Chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn có đại diện người khuyết tật là thành viên	Xã/phường	0	
b)	Số người khuyết tật được tham gia các mô hình phòng chống dịch bệnh và giảm nhẹ thiên tai bảo đảm khả năng tiếp cận đối với người khuyết tật	người	0	
c)	Số người khuyết tật được nhận thông tin cảnh báo sớm để ứng phó với dịch bệnh và thiên tai thông qua các ứng dụng công nghệ, thiết bị chuyên dụng.	người	0	
5.5	Trợ giúp tiếp cận và sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông		0	
a)	Tỷ lệ người khuyết tật được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ công nghệ thông tin và truyền thông so với tỷ lệ chung cả nước.	%	10	
b)	Tỷ trọng các tỉnh/thành phố có Câu lạc bộ thể dục thể thao người khuyết tật có thể tiếp cận (trong tổng số 34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc)	%	0	

STT	Nội dung chỉ tiêu	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
c)	Tỷ trọng người khuyết tật được hỗ trợ tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật và biểu diễn nghệ thuật (trong tổng số người khuyết tật có nhu cầu)	%	0	
d)	Tỷ trọng thư viện công cộng cấp tỉnh tổ chức được không gian đọc, đảm bảo tiện ích thư viện chuyên dụng (trong tổng số thư viện công cộng cấp tỉnh).	%	0	
5.6	Trợ giúp pháp lý		0	
a)	Số cán bộ làm công tác trợ giúp pháp lý được tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện việc trợ giúp pháp lý đối với người khuyết tật	người	0	
b)	Tỷ trọng người khuyết tật có khó khăn về tài chính được cung cấp dịch vụ pháp lý miễn phí theo quy định của pháp luật về trợ giúp pháp lý khi có nhu cầu (trong tổng số người khuyết tật có khó khăn về tài chính)	%	0	
c)	Số lượt người được trợ giúp pháp lý	lượt người	55	
5.7	Hỗ trợ người khuyết tật sống độc lập và hòa nhập cộng đồng; hỗ trợ phụ nữ khuyết tật		0	
a)	Tỷ trọng gia đình có người khuyết tật được tập huấn về kỹ năng, phương pháp chăm sóc phục hồi chức năng cho người khuyết tật (trong tổng số gia đình có người khuyết tật)	%	0	
b)	Tỷ trọng người khuyết tật được tập huấn các kỹ năng sống (trong tổng số người khuyết tật)	%	0	
c)	Tỷ trọng phụ nữ khuyết tật được trợ giúp dưới các hình thức khác nhau (trong tổng số người khuyết tật)	%	0	
d)	Tỷ trọng các tỉnh, thành phố có tổ chức của người khuyết tật (trong tổng số 34 tỉnh, thành phố trên toàn quốc)	%	0	
e)	Số xã có tổ chức của người khuyết tật	xã	0	
f)	Số người khuyết tật tham gia tổ chức của người khuyết tật	người	0	

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG